

第1章

公的証明書

CHƯƠNG 1

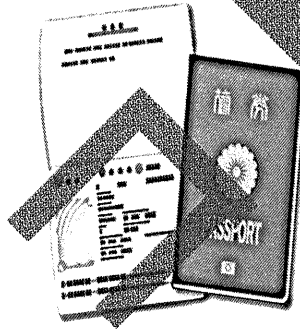
GIẤY TỜ HÀNH CHÍNH

ビザ・パスポート・在留カード

VISA – HỘ CHIẾU – THẺ NGOẠI KIỀU

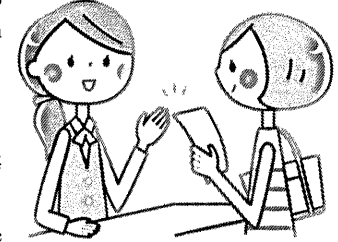
ビザやパスポートは、日本への入国するために必要とされる証明書の1つで、いずれも各国にある日本の大使館または領事館で発行されます。

Visa (thị thực) và hộ chiếu là một trong những giấy tờ cần thiết để nhập cảnh vào Nhật Bản, được phát hành tại Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Nhật Bản tại nước sở tại.



ビザには入国の目的に応じて、観光・商用・就労・留学など様々な種類があります。

Có nhiều loại thị thực visa, tùy thuộc vào mục đích nhập cảnh, chẳng hạn như du lịch, kinh doanh, việc làm và du học,...



実際にビザやパスポートで入国できるかは空港や海沿いに出入国審査官によって決定されます。

Trong thực tế, việc bạn có thể nhập cảnh bằng visa hoặc hộ chiếu hay không được quyết định bởi công an xuất nhập cảnh tại sân bay hay cảng biển.

しかし、ビザで入国が認められたからと言って、その間日本で働けるわけではありません。

Tuy nhiên, được nhập cảnh bằng visa không có nghĩa là bạn có thể làm việc tại Nhật Bản trong thời gian đó.

外国人が日本で働くには、在留資格が必要になります。

Người nước ngoài muốn làm việc tại Nhật Bản thì cần có tư cách lưu trú.

在留資格が認められた外国人は、付与された在留期間（更新は可能）、認められた在留資格の範囲でのみ、働いたり活動したりできることになります。

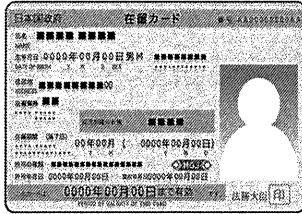
Người nước ngoài được cấp tư cách lưu trú thì chỉ được phép làm việc và hoạt động trong thời hạn lưu trú được cấp (có thể gián hạn) và trong phạm vi tư cách lưu trú được công nhận.

日本に滞在して活動できる「在留資格」が認められると、「3ヶ月以上」の在留期間が決定されます。

Nếu được cấp “tư cách lưu trú” có thể ở lại và hoạt động tại Nhật bản thì sẽ được quyết định thời hạn lưu trú “từ 3 tháng trở lên”.

「在留カード」は、「3ヶ月以上」の在留期間が決定された外国人のみ発行されるカードです。

“Thẻ ngoại kiều” (Thẻ lưu trú) là thẻ chỉ được phát hành cho người nước ngoài được cấp thời hạn lưu trú “từ 3 tháng trở lên”.



ビザやパスポートは、人に渡さず、自分で管理しましょう。
Không đưa visa và hộ chiếu cho người khác mà hãy tự mình bảo quản.

日本にいる間、在留カードは常に持ち歩かなければならないことが、法律で決められています。

Pháp luật quy định trong thời gian ở Nhật, bạn phải luôn mang theo thẻ ngoại kiều khi đi ra ngoài.

違反すると、罰金が科せられることになっています。

Nếu vi phạm sẽ bị phạt tiền.

在留カードは、大事なもので、絶対に失くさないようにしましょう。

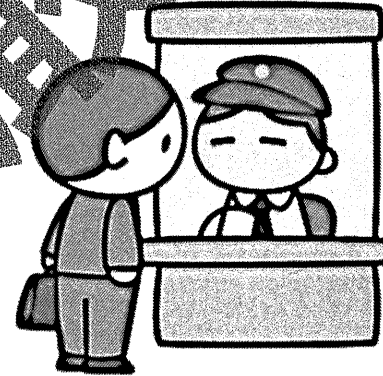
Thẻ ngoại kiều là vật quan trọng nên tuyệt đối không được làm mất.

常に携帯が必要、でも失くしたら・・・

Phải luôn mang theo bên mình, nhưng nếu làm mất...

万が一、在留カードを失くしたり、盗難に遭った場合には、紛失や盗難を警察に届けた上で、住まいの場所を管轄している入国管理局に「再交付の申請」をしなければなりません。

Nếu không may bị thất lạc thẻ ngoại kiều hoặc bị trộm đồ thì bạn phải thông báo ngay cho cảnh sát, sau đó làm thủ tục “yêu cầu cấp lại” tại Cục quản lý xuất nhập cảnh tại nơi bạn sống.



紛失や盗難による再交付には手数料はかかりません。

Thẻ ngoại kiều bị mất hoặc lấy trộm được cấp lại miễn phí.

再交付の申請は、失くしたことに気付いたときから14日以内に申請しなければなりません。

Việc yêu cầu cấp lại phải được tiến hành trong vòng 14 ngày kể từ khi bạn phát hiện ra mình bị mất thẻ.

在留カードの再交付の申請に必要なもの

Những giấy tờ cần thiết khi yêu cầu cấp lại thẻ ngoại kiều

- 備え付けの申請書
Đơn yêu cầu theo mẫu
- 顔写真 (40mm×30mm)
Ảnh thẻ (40mm×30mm)
- 警察への紛失届や盗難届、罹災により紛失した場合は罹災届
Giấy trình báo bị thất lạc hoặc bị trộm đồ đã nộp cho cảnh sát, trường hợp bị thất lạc do thiên tai, hỏa hoạn thì cần giấy chứng nhận thiên tai, hỏa hoạn.
- パスポートまたは在留資格証明書
Hộ chiếu hoặc giấy chứng nhận tư cách lưu trú
(パスポートまたは在留資格証明書を見せられない場合はその理由)
(Trường hợp không thể trình hộ chiếu hoặc giấy chứng nhận tư cách lưu trú thì phải giải trình lí do)

- 資格外活動許可書のある人はその許可書

Với người có giấy phép hoạt động ngoài tư cách lưu trú thì cần giấy phép đó.

在留カードが汚れてしまったり、壊れたりしてしまった場合にも、再発行の申請し古くなったカードと交換してもらうことができます。

Trường hợp thẻ ngoại kiều bị làm bẩn hoặc làm hỏng thì cũng phải yêu cầu cấp lại hoặc đổi sang thẻ mới.

汚れたり、壊れたりしてなくても、たとえば写真を変えたいといった場合は、交換ができます。

Trường hợp thẻ không bị bẩn hoặc hỏng nhưng bạn muốn đổi ảnh trên thẻ thì cũng có thể yêu cầu đổi thẻ.

ただし、交換による再発行を受ける際には、1,300円の手数料が必要となります。

Tuy nhiên, khi yêu cầu phát hành lại vì lí do đổi thẻ thì sẽ phải trả lệ phí 1,300 yên.

別記第二十九号の十一様式(第...様式) (日本国政府法務省)

(紛失再交付) (Liberty of Justice, Government of Japan)

再交付申請書 (RE-APPLICATION FOR RESIDENCE CARD)

法務大臣 To the Minister of Justice

出入国移民庁 入国審査課 (外国人の在留資格) (Immigration and Refugee Recogntion Act)

再交付を申請する者 (I hereby apply for reissuance of residence card)

1 国籍 年 月 日 (2) 性別 男・女

2 氏名 (3) 住所 (4) 電話番号 (携帯電話番号)

3 出生年月日 (5) 資格外活動許可の有無

4 住所 (5) 資格外活動許可の有無

6 再交付を申請する理由 (7) 資格外活動許可の有無

8 代理人の署名 (8) 代理人の署名

9 代理人の署名

10 代理人の署名

11 代理人の署名

12 代理人の署名

13 代理人の署名

14 代理人の署名

15 代理人の署名

16 代理人の署名

17 代理人の署名

18 代理人の署名

19 代理人の署名

20 代理人の署名

21 代理人の署名

22 代理人の署名

23 代理人の署名

24 代理人の署名

25 代理人の署名

26 代理人の署名

27 代理人の署名

28 代理人の署名

29 代理人の署名

30 代理人の署名

31 代理人の署名

32 代理人の署名

33 代理人の署名

34 代理人の署名

35 代理人の署名

36 代理人の署名

37 代理人の署名

38 代理人の署名

39 代理人の署名

40 代理人の署名

41 代理人の署名

42 代理人の署名

43 代理人の署名

44 代理人の署名

45 代理人の署名

46 代理人の署名

47 代理人の署名

48 代理人の署名

49 代理人の署名

50 代理人の署名

51 代理人の署名

52 代理人の署名

53 代理人の署名

54 代理人の署名

55 代理人の署名

56 代理人の署名

57 代理人の署名

58 代理人の署名

59 代理人の署名

60 代理人の署名

61 代理人の署名

62 代理人の署名

63 代理人の署名

64 代理人の署名

65 代理人の署名

66 代理人の署名

67 代理人の署名

68 代理人の署名

69 代理人の署名

70 代理人の署名

71 代理人の署名

72 代理人の署名

73 代理人の署名

74 代理人の署名

75 代理人の署名

76 代理人の署名

77 代理人の署名

78 代理人の署名

79 代理人の署名

80 代理人の署名

81 代理人の署名

82 代理人の署名

83 代理人の署名

84 代理人の署名

85 代理人の署名

86 代理人の署名

87 代理人の署名

88 代理人の署名

89 代理人の署名

90 代理人の署名

91 代理人の署名

92 代理人の署名

93 代理人の署名

94 代理人の署名

95 代理人の署名

96 代理人の署名

97 代理人の署名

98 代理人の署名

99 代理人の署名

100 代理人の署名

入国管理局備え付けの在留カード再交付申請書

Mẫu đơn yêu cầu cấp lại thẻ ngoại kiều của Cục quản lí xuất nhập cảnh



警察の被害届の「受理ナンバー」

“Số thụ lý” của giấy trình báo thiệt hại nộp lên cảnh sát

在留カードの紛失の場合だけではなく、警察に被害届を出したことは、「失くしたこと」「盗まれたこと」の証明にもなります。

Không chỉ trong trường hợp làm thất lạc thẻ ngoại kiều, việc nộp giấy trình báo thiệt hại cho cảnh sát sẽ chứng minh cho việc bạn “bị thất lạc” hay “bị lấy trộm” thứ gì đó.

国内に住民票があれば、外国籍の人であってもこれは同じです。

Nếu bạn có phiếu công dân trong nước Nhật thì dù là người nước ngoài cũng làm thủ tục giống người Nhật.

被害届を出すと、警察は「受理ナンバー」を教えてくださいますので、それが被害届の控えになります。

Khi nộp giấy trình báo thiệt hại, cảnh sát sẽ đưa cho bạn biên lai của giấy trình báo thiệt hại trên đó có ghi “số thụ lý”.

「受理ナンバー」は、必ずメモしておきましょう。

Bạn nhớ phải ghi lại “số thụ lý” này.

代理人による再交付の申請

Yêu cầu cấp lại bởi người đại diện

再交付の申請には本人が行くことが原則ですが、病気などで行くことのできないなどの場合には、16歳以上の同居の親族でもできます。

Theo nguyên tắc, người chủ thẻ phải tiến hành yêu cầu cấp lại nhưng trước hợp bị đau ốm không thể đi được thì người thân cùng nhà từ 16 tuổi trở lên có thể đi thay.

ただし、この場合には、本人が来られないことについての証明が必要になります。

たとえば病気で来られない場合なら、医師による診断者が必要になります。

Tuy nhiên, trong trường hợp này cần giấy chứng nhận lí do chủ thẻ không thể đến được. Ví dụ, nếu không thể đến do bị đau ốm thì cần có giấy chẩn đoán của bác sĩ.

ほかにも、その地方の入国管理局の承認を受けている取次者も、代理人として申請することができます。ただし、この場合には、取次者本人の身分を証明するものも必要になります。

Ngoài ra, người được ủy thác ở Cục Quản lý Nhập cảnh tại địa phương cũng có thể làm người đại diện khi ủy cấp lại. Trong trường hợp này cần thêm giấy tờ chứng minh bản thân người được ủy thác.

家族、取次者による申請を行う場合でも、本人による委任状が必要になります。

Dù là người thân hay người được ủy thác đứng ra thực hiện yêu cầu cấp lại thì đều cần có giấy ủy quyền của chủ thẻ.

委 任 状	
受任者 氏 名	_____
氏 名	_____
私は、上記の者を代理人と認め、この委任状を申請について委任します。	
年 月 日	_____
受任者 氏 名	_____
氏 名	_____

本人が行けない場合に代理人が持っていく委任状の例

住民票登録

ĐĂNG KÍ PHIẾU CÔNG DÂN

住民票はその人が日本国内のどこに住んでいるかを証明するものです。

Phiếu công dân là giấy tờ chứng minh rằng bạn đang sống ở đâu trong nước Nhật.

日本に来たら、14日以内に自分の住む区市町村の役所に登録しなければならないことになっています。

Sau khi đến Nhật, trong vòng 14 ngày bạn cần phải đến đăng kí tại trụ sở hành chính tại nơi bạn đang sống.

期間を過ぎても手続きはできますが、速やかに行いましょう。

Dù quá thời hạn vẫn có thể làm thủ tục, tuy nhiên hãy đi đăng kí sớm nhé.

役所によって窓口の名称は異なります（「戸籍課」「市民課」など）。

Tùy vào từng trụ sở hành chính mà tên nơi tiếp nhận sẽ khác nhau (ví dụ như “phòng hộ tịch” hoặc “phòng thị dân”).

自分の住む地域の役所を訪ねたら、「住所を登録したい」と職員に尋ねれば、どこに行けばいいのか教えてくれます。

Sau khi đến trụ sở hành chính nơi bạn ở, bạn chỉ cần nói với nhân viên “tôi muốn đăng kí địa chỉ” là họ sẽ chỉ cho bạn nên đi đến chỗ nào.

住民票の登録に必要なもの

Những vật cần thiết khi đăng kí phiếu công dân

- ・パスポート (Passport)
- ・在留カード (Residence Card)
- ・印鑑 (認印) (Seal)

登録後「住民票」が必要になった場合には、市役所・区役所等の窓口に行けば、発行してくれます。

Trong trường hợp cần “phiếu công dân” sau khi đăng kí thì bạn có thể đi đến quầy của trụ sở hành chính để cầu họ cấp cho bạn.

区市町村によっては、住民票や印鑑証明書を交付するためのカード（住民基本台帳カード）を作り、役所以外の場所に「自動交付機」を設置し、休日や夜間でもカードで交付できるようにしているところもあります。

Tại các quận, huyện, thành phố có cấp thẻ (thẻ thông tin cư trú) để người dân tự phát hành phiếu công dân và giấy chứng nhận con dấu, có đặt “máy phát hành tự động” ở các địa điểm ngoài trụ sở hành chính nên vào ngày nghỉ và buổi tối bạn vẫn có thể tự phát hành giấy tờ bằng thẻ.

あくまで役所によって異なります。

Cách làm khác nhau tùy vào từng địa phương.



住民登録の際、カタカナ名も登録

Khi đăng kí cư trú có thể đăng kí bằng tên Katakana

たとえば印鑑を登録する際に、在留カードなどにアルファベット名でしか記載がないと、カタカナで書いた名前の印鑑は登録できません。

Ví dụ, khi bạn đăng kí con dấu, nếu trên thẻ ngoại kiều chỉ có tên bằng chữ cái alphabet thì con dấu bằng chữ katakana sẽ không thể đăng kí được.

その際住民票登録の際に、カタカナ名も登録しておけば、カタカナ名の印鑑も登録できるようになります。

Nếu khi đăng kí cư trú bạn có đăng kí cả tên katakana thì có thể đăng kí con dấu bằng tên katakana.

カタカナ名は、銀行口座を開設する際にも、フリガナとして記入する必要があります。

Khi đi mở tài khoản ngân hàng cũng cần phải viết phiên âm họ tên bằng chữ katakana.

カタカナは、外国語の読み方を振ったり、「ガシャーン」などと音を書いたりするのに、日本で使われている文字です。

Chữ katakana là một loại chữ viết của Nhật Bản dùng để phiên âm cách đọc chữ nước ngoài và ghi lại các âm thanh.

漢字にひらがなにカタカナと、文字だけでも難しい日本語ですが、自分の名前のカタカナ名だけは憶えて、住民票に登録しておくようにしましょう。

Tiếng Nhật thì chỉ riêng chữ viết cũng khó, có cả kanji, hiragana và katakana nhưng bạn hãy nhớ cách phiên âm họ tên của mình bằng katakana để đăng kí trong phiếu công dân nhé.

保険証を作る LÀM THẺ BẢO HIỂM Y TẾ

外国人留学生の国民健康保険加入

外国人 tham gia bảo hiểm y tế quốc dân của du học sinh

「病気でもっとも不安なことの1つに、「病気になったらどうしたらよいか?」という疑問があります。

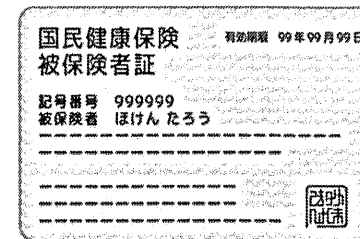
Trong cuộc sống du học, một trong những vấn đề làm chúng ta lo lắng nhất là “khi bị đau ốm nên làm thế nào?”

もし健康保険に加入していないと、病気になった時に非常に高額の治療費を支払わなければなりません。

Nếu bạn không tham gia bảo hiểm y tế thì khi bị đau ốm bạn sẽ phải trả mức phí điều trị rất cao.

日本人は病気をするとすぐに病院に行くのも、実はこの健康保険により、治療費の7割までを国が負担してくれるからです。

Lý do người Nhật khi bị đau ốm sẽ ngay lập tức đi bệnh viện là vì có tham gia bảo hiểm y tế và được chính phủ chi trả tới 70% phí điều trị.



日本では、こうした保険への加入は、国民に義務付けられています。

Ở Nhật, việc tham gia bảo hiểm như thế này là nghĩa vụ của công dân.

国民健康保険証はあなたを守る重要なものです。

Thẻ bảo hiểm y tế quốc dân là vật quan trọng bảo vệ bạn.

加入資格がある外国人は、自分が住む市町村の国民健康保険課で、来日から14日以内に国民健康保険の加入の手続きをしないとけません。

Người nước ngoài có tư cách tham gia bảo hiểm phải làm thủ tục tại phòng bảo hiểm y tế quốc dân của quận, huyện, thành phố nơi bạn ở trong vòng 14 ngày kể từ ngày tới Nhật.

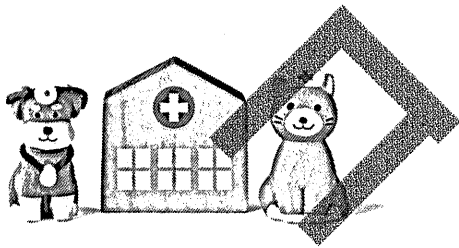
加入の手続きが遅れた場合には、入国日からの分で保険料を支払う必要があります。
Trường hợp làm thủ tục tham gia bảo hiểm muộn thì bạn vẫn phải trả phí bảo hiểm tính từ ngày nhập cảnh.

在留カードをもって役所にいきましょう。在留カードがあれば登録してくれます。
Hãy mang thẻ ngoại kiều tới trụ sở hành chính nơi bạn sống. Chỉ cần thẻ ngoại kiều là có thể đăng kí.

国民健康保険証を作るのに必要なもの Những vật cần thiết để làm thẻ bảo hiểm y tế quốc dân

・在留カード
Thẻ ngoại kiều
保険証は、パスポートや免許証、在留カード、マイナンバーカードなどと並んで、非常に大切なものです。
Thẻ bảo hiểm cũng giống như hộ chiếu, bằng lái xe, thẻ ngoại kiều, thẻ mã số cá nhân... là vật rất quan trọng.

人に貸したり、預けたりしてはいけません。
Không được cho người khác mượn hay giữ thẻ.
病院や保険調剤薬局に行ったら、保険証の提出を求められますので、病院に行く時忘れないようにしましょう。
Nếu bạn đến bệnh viện hoặc các nhà thuốc kê đơn theo bảo hiểm y tế thì sẽ được yêu cầu nộp thẻ bảo hiểm y tế, nên khi đi bệnh viện hãy nhớ mang theo.



印鑑登録証明書を作ろう

LÀM GIẤY CHỨNG NHẬN CON DẤU

日本ではサインの代わりに印鑑（通称ハンコ）を使います。
Ở Nhật con dấu được dùng thay cho chữ kí.
印鑑は、銀行の口座開設や預金の引き出し、郵便物の受け取りなど、生活のさまざまな場面に使われます。印鑑は日本での生活に必要なものになります。
Con dấu được sử dụng nhiều trong cuộc sống, ví dụ khi mở tài khoản ngân hàng, rút tiền trong tài khoản, nhận bưu phẩm... Con dấu là một vật cần thiết trong cuộc sống ở Nhật.

印鑑は、アルファベットでもカタカナでも、どちらでも作ることができます。フルネームでも、姓だけでも、名前だけでも作ることができます。

Con dấu có thể được làm bằng chữ alphabet và chữ katakana. Ngoài ra, có thể làm cả họ tên đầy đủ hoặc chỉ họ hay tên cũng được.

印鑑は複数持つことができますが、銀行口座開設に用いた印鑑は、きちんと憶えておいて、大切に保管します。
Bạn có thể sở hữu nhiều con dấu, tuy nhiên cần nhớ rõ và giữ cẩn thận con dấu đã sử dụng khi mở tài khoản ngân hàng.

万が一失くした場合には、銀行に届出印の変更手続きを取らなければならなくなり、面倒です。
Nếu không may bị thất lạc con dấu, bạn phải thông báo thay đổi con dấu cho ngân hàng, rất phiền phức.



印鑑の大きさは、実印については「8×8mm～25×25mmの間」と決まっています。
Kích thước của con dấu thực được quy định là “trong khoảng 8×8mm ~ 25×25 mm”.

実際には、15mm×15mm～18mm×18mmくらいの大きさの印鑑が、実印の標準かもしれません。
Trong thực tế, kích thước tiêu chuẩn của con dấu thực là khoảng 15mm×15mm ~ 18mm×18mm.

実印以外の印鑑（銀行印など）は、実印よりも1回りか2回り小さい12mm×12mm、13.5mm×13.5mm、15mm×15mmあたりで作るのが一般的です。

Các loại con dấu ngoài con dấu thực (con dấu ngân hàng...) thường có kích thước bé hơn 1, 2 vòng so với con dấu thực (12mm × 12mm, 13.5mm × 13.5mm, 15mm × 15mm).

区役所・市役所の近くには印鑑を作ってくれるお店がありますので、役所に行く前に事前
に作っておきましょう。

Cần các trụ sở hành chính sẽ có những cửa hàng làm con dấu, bạn nên làm sẵn con dấu trước khi đi đến trụ sở hành chính.

ベトナム人によく見られる、Nguyễn⇒「グエン」、Trần⇒「チャン」、Lê⇒「レ」、Phạm⇒「ファム」、Hoàng⇒「ホアン」、Huỳnh⇒「フイン」、Phan⇒「ファン」、Vũ⇒「ヴー」、Võ⇒「ヴォー」、Đặng⇒「ダン」などの姓の人は、大きな印鑑屋さんなら、わざわざ作らなくても、できた印鑑を売っているか
もしれません。



Các họ phổ biến của người Việt Nam như Nguyễn⇒「グエン」、Trần⇒「チャン」、Lê⇒「レ」、Phạm⇒「ファム」、Hoàng⇒「ホアン」、Huỳnh⇒「フイン」、Phan⇒「ファン」、Vũ⇒「ヴー」、Võ⇒「ヴォー」、Đặng⇒「ダン」... thì tại các cửa hàng làm con dấu lớn có lẽ không cần làm mới mà có bán sẵn.

もしできて売っている印鑑があれば、それを購入してもかまいません。

Nếu có con dấu bán sẵn thì bạn có thể mua không vấn đề gì cả.



「シャチハタ」は、申請書や銀行の届出印には使えない

Con dấu cao su “shachihata” không thể sử dụng trong các mẫu đơn hành chính và thủ tục ngân hàng

印鑑は安いものから非常に高いものまで、値段はいろいろあります。

Con dấu có rất nhiều mức giá khác nhau từ loại rẻ đến loại rất đắt.

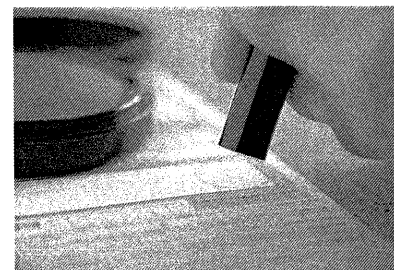
用途に応じた印鑑にする必要はありません。

Không cần thiết phải làm con dấu thật đắt tiền.

ただし、「シャチハタ」と言われる印鑑は、役所に提出する申請書には使えません。

Tuy nhiên, không được sử dụng loại dấu dập cao su đối với các giấy tờ nộp lên trụ sở hành chính.

「シャチハタ」とは、朱肉を使わず、押せばインクの出るしくみになっている印鑑です。



Shachihata là loại con dấu không cần hộp mực dầu riêng, có cấu tạo khi ấn xuống sẽ tự ra mực.

ゴムに彫られていることから、文字が変化する恐れがあることから、銀行の届出印にも、「シャチハタ」は使えません。

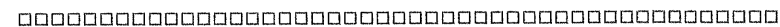
Con dấu này được khắc bằng cao su nên chữ có thể bị thay đổi, vì vậy không được sử dụng khi làm các thủ tục ngân hàng.

「シャチハタ」は、日本では簡易な確認に、サインの代わりに日常よく用いられます。

Shachihata là con dấu được dùng thường ngày tại Nhật Bản trong các xác nhận đơn giản, thay cho chữ kí.

たとえば、郵便物の受け取りや会社の出勤欄などに用いられています。

Ví dụ, dùng khi nhận bưu phẩm hoặc xác nhận phiếu ghi giờ làm tại công ty.



実印とは？

Con dấu thực là gì?

印鑑を「あなたのハンコであること」を役所が証明してくれるようにすることを、「印鑑登録」と言います。

“Đăng kí con dấu” là việc trụ sở hành chính chứng nhận “con dấu của bạn”.

印鑑登録をすると、役所は「印鑑登録証」を発行してくれます。

Sau khi đăng kí con dấu, trụ sở hành chính sẽ cấp cho bạn “giấy chứng nhận đăng kí con dấu”.

持っている印鑑のうち、どれか1つの印鑑のみ、実印として登録できます。

Bạn có thể chọn một trong những con dấu bạn sở hữu để đăng kí làm con dấu thực.

シャチハタ以外の印鑑で、規定（8×8mm～25×25mmまで）の大きさの印鑑なら、姓だけの印鑑でも、名前だけの印鑑でも、姓と名前両方が彫られた印鑑でも、どれでも登録できます。

Bạn có thể đăng kí con dấu với điều kiện không phải con dấu cao su và có kích thước theo quy định từ 8×8mm ~ 25×25mm, có thể đăng kí con dấu chỉ khắc họ, chỉ khắc tên hay cả họ và tên.

しかし、在留カードや特別永住者証明書などにアルファベットの名前でしか記載がなければ、カタカナによる印鑑は、このままでは実印としては登録できません。

Tuy nhiên, trong trường hợp thẻ ngoại kiều hoặc giấy chứng nhận vĩnh trú đặc biệt chỉ ghi tên bằng alphabet thì không thể đăng kí con dấu bằng chữ katakana làm con dấu thực.

もしカタカナ名の印鑑を「実印」として登録したいのであれば、事前に住民票にカタカナ名を登録する必要があります。

Nếu bạn muốn đăng kí con dấu katakana làm con dấu thực thì trước đó phải đăng kí phiếu công dân bằng tên katakana.

そうすることで、カタカナによる印鑑でも登録ができ、実印にすることができます。

Như vậy bạn sẽ có thể đăng kí con dấu thực bằng chữ katakana.

実際には実印を使うことは稀ですが、証明書が発行される大事な印鑑です。

Trong thực tế con dấu thực ít khi được sử dụng nhưng rất quan trọng khi phát hành các loại giấy chứng nhận.



失くさないようにしっかりと保管しましょう。

Hãy giữ gìn cẩn thận để tránh bị mất con dấu.

さしあたり実印は、部屋を借りる契約の際に必要になります。

Trước mắt thì bạn cần con dấu thực khi làm hợp đồng thuê nhà.

また、自動車を購入した場合は自動車登録にも必要になります。

Ngoài ra, bạn cũng cần con dấu để đăng kí khi mua xe ô tô.

印鑑登録のしかた Cách đăng kí con dấu

市役所で申込書を取り、そこに必要な事項を記入し、提出します。

Như mẫu đơn lấy cầu tại trụ sở hành chính, điền các mục cần thiết và nộp đơn.

その場で「印鑑登録証明書」（印鑑登録カード）を発行してくれます。

Ở đó bạn sẽ được chứng nhận đăng kí con dấu” (thẻ đăng kí con dấu) sẽ được phát hành.

区役所（東京23区の役所）には、申込書がたくさんあるので、受付の人に何をしたいのか、この本を持って行って説明すると、わかりやすいかもしれません。

Tại trụ sở hành chính quận (23 quận của Tokyo) có để rất nhiều giấy đăng kí, bạn chỉ cần nói với nhân viên là bạn muốn làm gì. Nếu bạn mang theo quyển sách này có thể sẽ dễ hiểu hơn khi giải thích.

印鑑登録に必要なもの

Những vật cần thiết để đăng kí con dấu

- ・登録する印鑑 Con dấu bạn muốn đăng kí
- ・在留カード Thẻ ngoại kiều

マイナンバーカード

THẺ MÃ SỐ CÁ NHÂN

マイナンバー（個人番号カード）とは、個人を識別するためのプラスチック製のICカードです。

My number (thẻ mã số cá nhân) là một thẻ IC bằng nhựa để nhận dạng cá nhân.

日本人の間でも、まだ定着しきれていないところがあります。

Ngày cả người Nhật cũng có chỗ chưa quen khi dùng thẻ này.

しかし、カードのおもて面には自分の顔写真と氏名、住所、生年月日、性別が記載されていますので、身分証明書として利用できます。

Tuy nhiên, ở mặt trước thẻ có ảnh, tên, địa chỉ, ngày tháng năm sinh và giới tính của bạn nên có thể sử dụng như giấy tờ tùy thân.

特に金融機関の利用の際には、マイナンバーカードさえ持っていけば、他のいろいろな身分証明書や本人確認書類は不要になりますので、持っていると、非常に便利です。

Đặc biệt, khi bạn sử dụng các dịch vụ tài chính, chỉ cần thẻ mã số cá nhân này là không cần những giấy tờ tùy thân khác nên rất tiện lợi khi mang theo.

マイナンバーカードは、申請すれば、無料で発行されます。

Thẻ mã số cá nhân sẽ được cấp miễn phí nếu bạn yêu cầu.

マイナンバーカードを発行してもらうには・・・

Đề được cấp thẻ mã số cá nhân...

国内に住民票がなければ、外国籍の方であっても、マイナンバーの「通知書」と「個人番号カード（マイナンバーカード）」の申請書が送られることになっています。

Nếu có phiếu công dân trong nước hoặc chỉ đủ là người nước ngoài cũng được gửi “giấy thông báo mã số cá nhân” và mẫu đơn yêu cầu cấp thẻ mã số cá nhân”.

この申請書に顔写真（縦4.5cm×横3.5cm）を貼って、役所に送ると、役所がマイナンバーカードを発行してくれます。

Đán ảnh lên của bạn vào mẫu đơn yêu cầu (chiều dài 4.5cm x chiều ngang 3.5cm) rồi gửi đến trụ sở chính phủ để cấp thẻ mã số cá nhân cho bạn.

封筒は、申請書と同封されていた封筒を利用します。

Phong bì được dùng là phong bì kèm theo mẫu đơn yêu cầu.

申請書に貼り付ける写真は、正面を向き、顔のハッキリわかる背景なしの写真でなければなりません。帽子やサングラスは外し、目にかからないようにしなければなりません。

Ảnh dán vào mẫu đơn yêu cầu phải là ảnh chính diện, nhìn rõ mặt, không có phong cảnh phía sau. Không đội mũ, đeo kính đen làm mắt bị che.

申請書には既におもて面は印字されていますので、間違いがないかだけ確認し、日中繋がりがやすい電話番号（④のところ）だけ記入します。

Mặt trước của mẫu đơn yêu cầu đã có sẵn chữ nên bạn hãy kiểm tra xem có sai sót không rồi điền số điện thoại có thể liên lạc dễ dàng trong giờ hành chính (mục 4).

電話番号は、この申請以外のことでは使われることはありません。

Số điện thoại của bạn sẽ không bị dùng vào việc khác ngoài thủ tục yêu cầu này.

うら面は、申請日（①のところ）と申請者の名前（②）の名前の記入、顔写真の貼付（③）で完了です。

Ở mặt sau, bạn điền ngày yêu cầu (phần 1) và họ tên người yêu cầu (phần 2) , dán ảnh (phần 3) là hoàn thành.

返面の内容に詳しいのいないでよく確認し
ましたので、個人番号カードの交付及び
電子証明書の発行を申請します。

① 申請日 年 月 日

② 申請者氏名 (自署)

顔写真貼付欄
サイズ ③
(縦 4.5cm×横 3.5cm)

申請内容に特記
事項、住所、出生年月日の
欄に、氏名、生年月日を
記入してください

交付を受けるに、電子証明書がある場合、下の欄を記入してください

署名用電子証明書 ※ 不要
 利用者証明用電子証明書 ※ 不要

本人の
住所
氏名
性別

個人番号カード交付申請書

個人番号 1234 5678 9012 3456 7890 123

申請者氏名 田中 花子

住所 東京都中央区千代田 1-1-1

生年月日 1980年01月01日 性別 女

交付を受けるに、電子証明書がある場合、下の欄を記入してください

署名用電子証明書 ※ 不要
 利用者証明用電子証明書 ※ 不要

本人の
住所
氏名
性別

マイナンバーカードを取りに行くときに必要なもの
Những vật cần thiết khi đi lấy thẻ mã số cá nhân

- ・ 交付通知書 (ハガキ)
- ・ Giấy thông báo cấp thẻ (bưu thiếp)
- ・ 在留カード
- ・ Thẻ ngoại kiều
- ・ マイナンバーの通知カード
- ・ Giấy thông báo mã số cá nhân

通知カードは、マイナンバーカードの発行により不要になったので、返却するために持って行く。

Nếu đã được cấp thẻ mã số cá nhân thì sẽ thẻ thông báo sẽ không cần thiết nữa nên hãy mang trả lại cơ quan hành chính.

申請はスマートホンやインターネットからでもできます。
Bạn có thể đăng kí bằng điện thoại hoặc qua mạng internet.

カードができると、役所からハガキ (交付通知書) が郵送されます。
Sau khi làm xong thẻ, trụ sở hành chính sẽ gửi bưu thiếp thông báo cho bạn.

申請からこのハガキが届くまで、約 1 か月かかります。
Sẽ mất khoảng 1 tháng kể từ khi đăng kí cho đến khi bưu thiếp tới.

このハガキを持って行くことにより、個人番号カードが交付されます。
Mang bưu thiếp này tới trụ sở hành chính bạn sẽ được cấp thẻ.

役所は写真と同じ人物が取りに来たことを確認するために、受け取る際には、必ず本人が行くようにします。

Nhân viên trụ sở hành chính sẽ kiểm tra người tới lấy thẻ có phải là người trong ảnh hay không nên bạn hãy tự mình đi lấy nhé.

マイナンバーカードの申請に必要なもの

Những vật cần thiết khi làm thủ tục yêu cầu cấp thẻ mã số cá nhân

- ・ マイナンバーカード交付申請書
Mẫu đơn yêu cầu cấp thẻ mã số cá nhân
- ・ 写真 (4.5×3.5cm)
Ảnh thẻ (4.5×3.5cm)

「マイナンバーカード」には有効期限 (在留期限と同日) があります。

Thẻ mã số cá nhân có ghi thời hạn (cùng ngày với thẻ ngoại kiều).

延長する場合は、有効期限が過ぎる前に市区町村の窓口で有効期限を延長する手続きを取ってください。

Nếu gia hạn thẻ thì trước khi quá thời hạn hãy đến làm thủ tục gia hạn tại trụ sở hành chính.

「マイナンバーカード」を失くしたら、警察への届出後、居住の市区町村に連絡して再発行してもらってください。

Nếu làm mất "thẻ mã số cá nhân" thì hãy trình báo cảnh sát sau đó liên lạc với trụ sở hành chính nơi bạn ở để phát hành lại.